

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày 12-4-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Nguyễn Phước

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A L, Khóm D, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thái Linh T1, sinh năm 1987 (có mặt). Địa chỉ: Số A L, Khóm D, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024).

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Ngọc X, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số B đường C, khóm F, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2024 nguyên đơn ông Huỳnh T, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Huỳnh Thái Linh T1 trình bày:

Gia đình nguyên đơn kinh doanh mua bán thức ăn gia súc, gia cầm tại nhà. Từ năm 2016 đến ngày 18 tháng 8 năm 2021 gia đình nguyên đơn có bán thức ăn gia súc cho cô Lê Thị Ngọc X, ngụ tại số B, đường C, khóm F, phường H, thành phố S, hiện đang làm chi hội trưởng phụ nữ khóm F, phường H; với hình thức ghi sổ thanh toán sau với tổng số tiền mua thức ăn 168.943.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng), sau ngày 18 tháng 8 năm 2021 cô X không mua

thức ăn bên gia đình nguyên đơn nữa và cũng không thanh toán số tiền đã mua thức ăn trước đó, gia đình nguyên đơn đã xuống nhà cô X nhiều lần, nhưng cô vẫn không trả, mặc dù nguyên đơn đã xuống nhà và liên hệ điện thoại nhiều lần nhưng cô X chỉ hứa hẹn cho qua chuyện không có trả. Cho đến nay nguyên đơn có điện thoại cho cô X cô vẫn tiếp tục hứa nữa. Mặc dù gia đình cô X có đủ khả năng trả tiền cho nguyên đơn. Sau khi nguyên đơn thưa ra phường thì bà X trả được số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 31/01/2022 và từ đó đến nay không có trả thêm số tiền nào nữa.

Nay nguyên đơn yêu cầu tòa án xem xét giải quyết buộc cô X trả một lần hết số nợ 168.943.000 đồng cho nguyên đơn và yêu cầu trả lãi từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 12 tháng 4 năm 2023: 02 năm 02 tháng 11 ngày x 20%/năm với số tiền lãi tạm tính là 73.944.049 đồng. Tổng số tiền nợ và lãi là 242.887.049 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm cụ thể thời gian tính lãi được tính 01/02/2022 đến ngày 12/4/2024 là 02 năm 02 tháng 11 ngày x 168.943.000 đồng x 10/năm (0,83%/tháng) = 36.972.049 đồng.

- Tại văn bản ngày 21/3/2024, tại phiên hòa giải ngày 22/3/2024, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn, bà Lê Thị Ngọc X trình bày.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh T bà có ý kiến như sau: Bà có mua thức ăn của ông Huỳnh T từ năm 2013 chứ không phải mua thức ăn từ năm 2016 như nguyên đơn trình bày. Bà thừa nhận bà còn nợ số tiền mua thức ăn đến ngày 07/12/2023 của nguyên đơn ông Huỳnh T số tiền là 168.943.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng), thừa nhận lần cuối cùng trả tiền cho bên ông T là ngày 31/01/2022 và còn nợ lại số tiền 168.943.000 đồng. Do hoàn cảnh hiện tại tôi gặp khó khăn nên tôi xin trả dần số tiền mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn số tiền lãi 36.972.049 đồng thì bà không đồng ý trả vì bà không có vay tiền của ông T nên không phải trả lãi.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh: Bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc của nguyên đơn số tiền 168.943.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông **Huỳnh T** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Lê Thị Ngọc X** yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa, bị đơn **X** có địa chỉ: **Số B đường C, khóm F, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm cụ thể thời gian tính lãi được tính 01/02/2022 đến ngày 12/4/2024 là 02 năm 02 tháng 11 ngày x 168.943.000 đồng x 10/năm (0,83%/tháng) = 36.972.049 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh T** thấy rằng: Theo các tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Hội đồng xét xử công nhận năm 2016 đến ngày 18/8/2021 ông **Huỳnh T** có bán thức ăn gia súc cho bà **Lê Thị Ngọc X** với hình thức ghi sổ thanh toán sau. Ngày 31/01/2022 bà **X** có trả cho ông **T** số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 168.943.000 đồng, từ đó đến nay bà **X** không thanh toán thêm cho ông **T** được số tiền nào nữa. Xét thấy, tại tòa bà **X** thừa nhận còn nợ số tiền 168.943.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông **T** là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà **X** có trách nhiệm trả cho ông **T** số tiền gốc 168.943.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi, bà **X** không đồng ý trả lãi. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại **khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này**; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại **khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này** tức 10%/năm”. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ. Về thời gian bắt đầu tính lãi, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, lần cuối cùng bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là ngày 31/01/2022 nên thời gian tính lãi được tính 01/02/2022 đến ngày 12/4/2024 là 02 năm 02 tháng 11 ngày x 168.943.000 đồng x 10/năm (0,83%/tháng) = 36.972.049 đồng. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận với số tiền 36.972.049 đồng.

[4] Như vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vốn 168.943.000 đồng + lãi 36.972.049 đồng = 205.915.049 đồng.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 357; 430; 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **ông Huỳnh T**.
2. Buộc bị đơn bà **Lê Thị Ngọc X** phải trả cho **ông Huỳnh T** số tiền tổng cộng là 205.915.049 đồng, trong đó vốn là 168.943.000 đồng; lãi là 36.972.049 đồng.
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.
4. Án phí dân sự sơ thẩm:
 - 4.1. Nguyên đơn **ông Huỳnh T** không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn **Huỳnh T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.772.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001516 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
 - 4.2. Bị đơn bà **Lê Thị Ngọc X** là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyên